

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương M Thiết

2. Ông Ngô Thanh Xuân

- TH ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – TH ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 144/2020/QĐXX-ST ngày 05/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996

ĐKHKT: Xóm L, xã X, huyện LG, tỉnh BG.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Xóm Cầu Ván, xã Dương Đức, huyện LG, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Đặng Văn C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm L, xã X, huyện LG, tỉnh BG.

(Chị M, anh C vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Văn C đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X, huyện LG, tỉnh BG vào ngày 17/7/2015. Sau khi đăng ký kết hôn chị về nhà anh C ở xóm L, xã X, huyện LG, tỉnh BG sinh sống. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2020, vợ

chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nhưng chị không cung cấp được bằng chứng, anh C đánh đập chị nhiều lần và chị nhiều lần khuyên anh C nhưng anh C không thay đổi tính nết. Từ tháng 7 năm 2020 chị bỏ về quê ngoại ở thôn Cầu Ván, xã Dương Đức, huyện LG sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh C có 02 con chung là cháu Đặng Anh TH, sinh ngày 17/11/2016 và cháu Đặng Thu T sinh ngày 13/6/2019. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/10/2020, bị đơn anh Đặng Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện LG vào ngày 17/7/2015. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh làm dâu ngay, chung sống cùng bố mẹ anh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng trong cuộc sống vẫn có những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm lái xe, đi làm xa nhà nên chị M nghi ngờ, ghen tuông nên vợ chồng thi thoảng xảy ra xô xát và cãi chửi nhau, có lần anh đã tát chị M. Hiện nay chị M đã về trên quê ngoại ở thôn Cầu Ván, xã Dương Đức, huyện LG sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Nay chị M khởi kiện xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, trường hợp chị M nhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị M.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm lái xe, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống của 3 bố con. Bên cạnh đó, cháu Đặng Anh TH hiện đang ở cùng anh, cháu đang theo học lớp mầm non 4 tuổi của trường Mầm non xã X, khi anh đi làm thì bố mẹ đẻ anh là người hỗ trợ anh chăm sóc các cháu. Trường hợp chị M không đồng ý giao cả 02 con chung cho anh nuôi dưỡng chăm sóc thì anh đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi dưỡng cháu Đặng Anh TH, giao cho chị M nuôi dưỡng cháu Đặng Thu T.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại buổi hòa giải ngày 30/10/2020, chị M giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nhưng về con chung, theo nguyện vọng của anh C muốn nuôi cả 02 con thì chị đồng ý để*

anh C nuôi cả 02 con và đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung là Đặng Anh TH và Đặng Thu T cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do bận công việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt toàn bộ các phiên xét xử vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do anh C vắng mặt trong buổi hòa giải.

* Tại đơn trình bày ý kiến, quan điểm về nội dung vụ án ngày 23/11/2020 và tại biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2020 thì anh C trình bày: anh đã suy nghĩ lại thấy con chung thứ 2 là cháu Đặng Thu T sinh ngày 13/6/2019 còn quá nhỏ, bản thân anh làm lái xe, hàng ngày không ở nhà để chăm sóc cháu nên anh đề nghị khi giải quyết con chung thì Tòa án giao cho anh nuôi cháu Đặng Anh TH, giao cho chị M nuôi cháu Đặng Thu T. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn chị M. Về tài sản chung, công nợ chung anh không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên anh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/11/2020, chị M trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh C, về con chung thì nếu anh C có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung thì anh đồng ý để anh C nuôi cả 02 cháu, trường hợp anh C chỉ muốn nuôi 01 con lớn là Đặng Anh TH thì chị đồng ý để anh C nuôi cháu TH và chị đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Thu T cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác M ngày 12/11/2020 của Tòa án với chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị M và anh C là công dân tại địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống tại địa phương thì địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị M anh C. Địa phương chỉ biết khoảng 3 tháng gần đây chị M đã về nhà ngoại trên xã Dương Đức sinh sống. Vợ chồng chị M anh C có 02 con, cháu lớn sinh năm 2016, cháu nhỏ sinh năm 2019. Hiện cả 2 cháu đang ở cùng anh C và bà nội. Nay chị M khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và TH ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải ngày 22/10/2020 và ngày 30/10/2020. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Xử cho chị M được ly hôn anh C. Giao chị M quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung Đặng Thu T, sinh ngày 13/6/2019 và giao cho anh C quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Anh TH, sinh ngày 17/11/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị M thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị M và anh C kết hôn năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu; đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện LG, tỉnh BG, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị M và anh C đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị M nghi ngờ anh C có quan hệ với người phụ nữ khác, anh C cho rằng chị M ghen tuông vô cớ nên có lần tát chị M, sau đó chị M đã về nhà ngoại ở xã Dương Đức sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh C trình bày nguyện vọng muốn hòa giải để về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng anh C lại không đến tham gia các phiên hòa giải của Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Nay chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn, HĐXX xét thấy, giữa chị M và anh C có tồn tại mâu thuẫn, do vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn đã kéo dài, đã sống ly thân và chị M không đồng ý quay về đoàn tụ, nên việc duy trì hôn nhân không đạt được mục đích, do đó HĐXX căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị M và anh C ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị M, anh C có 02 con chung là Đặng Anh TH, sinh ngày 17/11/2016 và Đặng Thu T, sinh ngày 13/6/2019. Xét ý kiến của chị M, ý kiến của anh C cũng như chính quyền địa phương, xét điều kiện của mỗi bên,

hiện nay cháu Đặng Thu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên HĐXX thấy quyết định giao cho chị M nuôi cháu T, anh C nuôi cháu TH để đảm bảo trách nhiệm của chị M, anh C đối với con và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của chị M, anh C hiện nay.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị M và anh C đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M và anh Đặng Văn C ly hôn.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đặng Thu T, sinh ngày 13/6/2019 và giao cho anh Đặng Văn C quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đặng Anh TH, sinh ngày 17/11/2016.

Sau khi ly hôn, chị M, anh C đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002509 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm